

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28/3/2025

*“V/v: Chia tài sản sau khi ly hôn
và hủy văn bản thỏa thuận tài sản
chung của vợ chồng”.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮKLẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Cảnh Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Liên và bà Nguyễn Thị Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Công Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 340/2024/TLST-HNGĐ ngày 23/10/2024 về việc “Chia tài sản sau khi ly hôn và hủy văn bản thỏa thuận tài sản chung của vợ chồng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-DS ngày 14/3/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Phương Nh.

Địa chỉ: thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân B.

Địa chỉ: thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 13/11/2024): Ông Nguyễn Quốc V, địa chỉ: 78, LVH, tổ dân phố 2, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Văn phòng công chứng H.

Địa chỉ: 100, Nguyễn Tất Thành, tổ dân phố 2, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện: Ông Hồ Hữu T – chức vụ: Trưởng văn phòng.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Xuân Đ.

Địa chỉ: thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, bà Trần Thị Phương Nh trình bày: Thừa đất số 141, tờ bản đồ số 20 theo giấy chứng nhận QSD đất số DI759130 do Sở tài nguyên – môi

trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 03/02/2023 là tài sản chung của tôi và chồng cũ là ông Nguyễn Xuân B tại thôn G – xã T – huyện K – tỉnh Đắk Lắk.

Tài sản trên đất bao gồm: 01 căn nhà xây cấp 4 + nền sân lát xi măng; cây trồng trên đất diện tích 2.170,8m² là cây sầu riêng. Tài sản trên là do tôi và chồng cũ xây dựng nên từ năm 2007 đến nay là 17 năm.

Hiện nay chúng tôi đã được Tòa án nhân dân huyện Krông Năng quyết định thỏa thuận ly hôn vào ngày 05/9/2023. Sau 3 lần tài sản tự chia theo thỏa thuận giữa tôi và ông Bình đã thống nhất nhưng đều không thành và ông Nguyễn Xuân B đã không thực hiện đúng như thỏa thuận. Hơn 18 tháng nay, mẹ con tôi không có nhà để ở, không có nguồn thu nhập ổn định để nuôi con.

Nay tôi kính đề nghị xem xét, giải quyết chia tài sản đúng theo luật định để đảm bảo quyền lợi cho tôi.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Phương Nh có đơn khởi kiện bổ sung với nội dung: Ngày 28/8/2023, tôi và ông Nguyễn Xuân B có lập “Văn bản thỏa thuận tài sản chung của vợ chồng” với nội dung cùng thỏa thuận để lại cho con trai là Nguyễn Xuân Đ được toàn quyền sử dụng. Tuy nhiên, do con trai chưa đủ tuổi thành niên nên không thể tự mình đứng tên trên giấy chứng nhận QSD đất. Vì vậy, chúng tôi thỏa thuận cùng quản lý tài sản của con là Nguyễn Xuân Đ cho đến khi con đủ tuổi thành niên, chúng tôi sẽ làm thủ tục sang tên tài sản nói trên.

Hiện nay, tôi và ông Nguyễn Xuân B đang có tranh chấp về tài sản này và vụ việc đã được Tòa án thụ lý, giải quyết. Để việc giải quyết được đảm bảo quyền lợi cho các bên, đúng quy định của pháp luật nên tôi yêu cầu đề nghị hủy “Văn bản thỏa thuận tài sản chung của vợ chồng” giữa tôi với ông Nguyễn Xuân B, được Văn phòng công chứng H công chứng ngày 28/8/2023 theo số công chứng 1213, quyền số 08/2023 TP/CC-SCC/HĐGD.

- Tại bản tự khai, ông Nguyễn Xuân B trình bày: Tháng 5/2023, bà Trần Thị Phương Nh có đơn ly hôn. Sau nhiều lần triệu tập, hòa giải thì ngày 28/8/2023 tôi và bà Nh đã tự nguyện ly hôn và tiến hành hòa giải thành, được Tòa án ghi nhận trong biên bản.

Cùng ngày, 28/8/2023 tôi và bà Nh đã lập “Văn bản thỏa thuận tài sản chung của vợ chồng” về QSD đất theo giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI759130, do Sở tài nguyên – môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 03/02/2023 tại thửa đất 141, tờ bản đồ số 20 ở xã T – huyện K – tỉnh Đắk Lắk. Chúng tôi đã thỏa thuận, tài sản này để lại (tặng cho) con trai là cháu Nguyễn Xuân Đ được toàn quyền sử dụng, tuy nhiên cháu Đ chưa đủ tuổi thành niên nên không tự mình đứng tên trên giấy chứng nhận QSD đất vì vậy chúng tôi thỏa thuận cùng quản lý tài sản của con cho đến khi cháu Đ đủ tuổi thành niên thì sẽ làm thủ tục sang tên tài sản này cho cháu. Kể từ ngày văn bản này được ký và công chứng, chúng tôi thỏa thuận sẽ không thực hiện bất kỳ giao dịch nào đối với tài sản này.

Ngày 05/9/2023, Tòa án nhân dân huyện Krông Năng ban hành Quyết định số 194/2023/QĐST-HNGĐ công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự với nội dung: Thứ nhất, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa tôi và bà Nh; thứ hai, giao cho bà Nh được quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Khả D đến tuổi trưởng thành, giao cho tôi được quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Xuân Đ

đến tuổi trưởng thành; thứ ba, về tài sản chung và nợ chung thì chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 15/11/2023, tôi nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án với nội dung liên quan đến việc bà Nh khởi kiện tôi, yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn. Tài sản là QSD đất theo theo giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI759130, do Sở tài nguyên – môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 03/02/2023 tại thửa đất 141, tờ bản đồ số 20 ở xã T – huyện K – tỉnh Đắk Lắk. Quá trình giải quyết vụ án thì chúng tôi đã tự thỏa thuận về việc chia tài sản chung trên và bà Nh đã tự nguyện rút đơn khởi kiện. Bà Nh và tôi đã trao đổi việc phân chia tài sản chung để tách thửa theo phương án chia theo tỷ lệ 6/4; đối với diện tích 2.170,8m² đất thì không đảm bảo diện tích tối thiểu để tách thửa theo quy định của tỉnh do đó bà Nh đã liên hệ lại với tôi và xin thêm phần diện tích đất của tôi cho đủ 1.000m² để đủ điều kiện tách thửa nhưng kèm theo điều kiện phải cam kết không được chuyển nhượng, thế chấp diện tích đất này mà chỉ để sử dụng, canh tác, làm nhà ở và giữ phần tài sản này cho đến khi con gái trưởng thành. Vào thời điểm ấy, bà Nh đã đồng ý phương án này. Tuy nhiên, trong quá trình đi làm thủ tục tách thửa, tôi đã bàn giao giấy tờ để bà Nh thuận tiện đi làm nhưng không rõ lý do vì sao mà bà Nh vẫn không làm được thủ tục tách thửa.

Đến tháng 10/2024, bà Nhã làm đơn kiện lại tôi để yêu cầu chia tài sản chung của chúng tôi. Nay tôi có ý kiến như sau:

Thứ nhất, theo nội dung khởi kiện thì bà Nh muốn chia diện tích đất theo tỷ lệ 1/2, bà Nhã một nửa số tài sản là QSD đất kể trên thì tôi không đồng ý vì nguồn gốc thửa đất số 141, tờ bản đồ số 20 ở xã T – huyện K – tỉnh Đắk Lắk thì tôi và bà Nh được cha ruột tôi là ông Nguyễn Xuân B tặng cho.

Thứ hai, tôi đề nghị giải quyết chia tài sản chung của chúng tôi theo tỷ lệ 6/4 (tôi 6 phần, bà Nh 4 phần), cụ thể: Thửa đất 141, tờ bản đồ số 20 có diện tích 2.170,8m² chia cho tôi nhận diện tích 1.302,48m² đất và bà Nhã nhận diện tích 868,32m² đất. Các tài sản khác gắn liền với đất đề nghị xem xét, chia theo hiện trạng tương ứng với phần diện tích đất.

- Đại diện Văn phòng công chứng H trình bày: Ngày 28/8/2023, Văn phòng công chứng H có thực hiện công chứng Văn bản thỏa thuận tài sản chung của vợ chồng, số công chứng 1231, quyền số 08/2023 TP/CC-SCC/HĐGD giữa bà Trần Thị Phương Nh với ông Nguyễn Xuân B đối với thửa đất số 141, thuộc tờ bản đồ số 20, địa chỉ tại xã T – huyện K – tỉnh Đắk Lắk.

Nay Văn phòng công chứng có ý kiến như sau:

1. Về việc công chứng Văn bản thỏa thuận tài sản chung của vợ chồng, số công chứng 1231, quyền số 08/2023 TP/CC-SCC/HĐGD giữa bà Trần Thị Phương Nh với ông Nguyễn Xuân B, Văn phòng công chứng H đã thực hiện đảm bảo đúng và đầy đủ thủ tục công chứng theo quy định của Luật công chứng và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Trường hợp bà Trần Thị Phương Nh và ông Nguyễn Xuân B có nhu cầu hủy Văn bản thỏa thuận tài sản chung của vợ chồng đã công chứng tại Văn phòng công chứng H ngày 28/8/2023 nói trên, Văn phòng công chứng H đề nghị bà Trần Thị Phương Nh và ông Nguyễn Xuân B liên hệ với Văn phòng công chứng H để thực hiện thủ tục yêu cầu hủy văn bản công chứng, Văn phòng công chứng H sẽ xem xét, thực hiện thủ tục hủy theo quy định của Luật công chứng.

Trong trường hợp, hai bên không liên hệ Văn phòng công chứng H thực hiện hủy văn bản thỏa thuận tài sản chung của vợ chồng đã công chứng nói trên, Văn phòng công chứng H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

- Anh Nguyễn Xuân Đ trình bày: Tôi là con của bố Nguyễn Xuân B và mẹ Trần Thị Phương Nh. Theo văn bản thỏa thuận tài sản của bố mẹ được công chứng ngày 28/8/2023 về nội dung thỏa thuận là để lại cho tôi được toàn quyền sử dụng diện tích 2.170,8m² đất tại thửa số 141, tờ bản đồ số 20 thuộc thôn G – xã T – huyện K – tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận QSD đất số DI759130. Tài sản trên sẽ được sang tên cho tôi khi tôi đủ tuổi thành niên.

Mặc dù bố mẹ đã thỏa thuận nhưng QSD đất và tài sản gắn liền với đất thì thực tế chưa giao cho tôi mà bố tôi đang là người trực tiếp quản lý, sử dụng.

Nay mẹ tôi yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận tài sản chung đã được công chứng vào ngày 28/8/2023 thì tôi đồng ý do tôi không có nhu cầu sử dụng và từ chối nhận tài sản này nên tôi cũng đồng ý để hủy bỏ văn bản trên.

Đối với tranh chấp tài sản chung giữa bố mẹ tôi về thửa đất trên thì tôi đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Phương Nh vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, đề nghị được chia tại thửa đất số 141, tờ bản đồ số 20 theo giấy chứng nhận QSD đất số DI759130 diện tích tối thiểu là 1.000m² thì mới đủ điều kiện để tách thửa. Bà Trần Thị Phương Nh đồng ý chia diện tích đất có căn nhà cho ông Nguyễn Xuân B và có giá trị lớn hơn nhưng về phần chênh lệch thì bà Nh không yêu cầu. Đối với “Văn bản thỏa thuận tài sản chung của vợ chồng” được công chứng ngày 28/8/2023 thì bà Trần Thị Phương Nh vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị hủy. Đại diện bị đơn, ông Nguyễn Quốc V chỉ chấp nhận chia theo tỷ lệ diện tích thửa đất là 6/4, ông Nguyễn Xuân B được sử dụng 6 phần, giao cho bà Nh sử dụng 4 phần và đồng ý nhận diện tích đất có căn nhà, nền sân, giếng nước. Đại diện bị đơn cũng đồng ý hủy “Văn bản thỏa thuận tài sản chung của vợ chồng” được công chứng ngày 28/8/2023. Tài sản gắn liền với đất các đương sự đồng ý giữ nguyên hiện trạng tương ứng với diện tích đất được chia, không tính giá trị chênh lệch về tài sản. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, anh Nguyễn Xuân Đ cũng đồng ý hủy “Văn bản thỏa thuận tài sản chung của vợ chồng” được công chứng ngày 28/8/2023.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc thụ lý và quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 33, 38, 39, 59 và Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị Phương Nh về việc chia tài sản sau khi ly hôn và chấp nhận đơn khởi kiện bổ sung về việc hủy văn bản thỏa thuận tài sản chung của vợ chồng. Chia cho ông Nguyễn Xuân B diện tích khoảng 1.180m², thửa đất số 141, tờ bản đồ số 20 theo giấy chứng nhận QSD đất số DI759130 tại thôn G – xã T – huyện K – tỉnh Đắk Lắk. Tài sản trên đất là căn nhà xây cấp 4 + giếng nước và các cây trồng gắn liền với đất giữ nguyên hiện trạng khi được chia. Chia cho bà Trần Thị Phương Nh diện tích khoảng 1.000m², thửa đất số 141, tờ bản đồ số 20 theo giấy chứng nhận QSD đất số DI759130 tại thôn G – xã T – huyện K – tỉnh Đắk Lắk. Cây trồng gắn liền với đất giữ nguyên hiện trạng khi được chia. Hủy văn bản thỏa thuận về tài sản chung của vợ chồng

giữa ông Nguyễn Xuân B với bà Trần Thị Phương Nh được Văn phòng công chứng H chứng nhận ngày 28/8/2023, số công chứng 1231, quyền số 08/2023 TP/CC-SCC/HĐGD.

Về án phí và chi phí tố tụng: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật: Việc khởi kiện của bà Trần Thị Phương Nh được xác định quan hệ tranh chấp là: Chia tài sản sau khi ly hôn và hủy văn bản thỏa thuận tài sản chung của vợ chồng, được quy định tại khoản 1 và khoản 8 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS)

[2]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 07/10/2024, Toà án nhân dân huyện Krông Năng nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị Phương Nh về yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn và hủy văn bản thỏa thuận tài sản chung của vợ chồng với bị đơn ông Nguyễn Xuân B. Ông Nguyễn Xuân B có địa chỉ thường trú tại thôn G – xã T – huyện Krông Năng – tỉnh Đắk Lắk nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Toà án nhân dân huyện Krông Năng.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Văn phòng công chứng H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[4]. Về nội dung.

[4.1]. Bà Trần Thị Phương Nh và ông Nguyễn Xuân B là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định từ năm 2008. Ngày 05/9/2023, được Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự theo Quyết định số 194/2023/QĐST-HNGĐ. Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự thì về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4.2]. Ngày 28/8/2023, bà Trần Thị Phương Nh và ông Nguyễn Xuân B có lập “Văn bản thỏa thuận tài sản chung của vợ chồng” đối với thửa đất số 141, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.170,8m² tại thôn G – xã T – huyện K – tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI 759130, được Văn phòng công chứng H chứng nhận ngày 28/8/2023, số công chứng 1231, quyền số 08/2023 TP/CC-SCC/HĐGD.

Bà Trần Thị Phương Nh có đơn khởi kiện và đề nghị hủy “Văn bản thỏa thuận tài sản chung của vợ chồng” đã được Văn phòng công chứng H chứng nhận ngày 28/8/2023. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và đại diện bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều đồng ý và đề nghị được hủy văn bản thỏa thuận trên. Xét đề nghị, ý kiến đồng ý của các đương sự là không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận để hủy “Văn bản thỏa thuận tài sản chung của vợ chồng” giữa ông Nguyễn Xuân B và bà Trần Thị Phương Nh đã được Văn phòng công chứng H chứng nhận ngày 28/8/2023, số công chứng 1231, quyền số 08/2023 TP/CC-SCC/HĐGD.

[4.3]. Đối với thửa đất có diện tích 2.170,8m² tại thôn G – xã T – huyện K – tỉnh Đắk Lắk là của ông Nguyễn Xuân B1 (là bố của ông Nguyễn Xuân B) cho vợ chồng ông

Nguyễn Xuân B, bà Trần Thị Phương Nh và đã được ông B, bà Nh tiếp quản, sử dụng từ năm 2008. Quá trình sử dụng thì vợ chồng ông B, bà Nh đã làm nhà ở, trồng cây... và sử dụng ổn định, liên tục từ năm 2008.

Ngày 03/02/2023, ông Nguyễn Xuân B và bà Trần Thị Phương Nh được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI 759130, thửa đất số 141, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.170,8m² đất trồng cây lâu năm tại thôn G – xã T – huyện K – tỉnh Đắk Lắk.

Như vậy, diện tích 2.170,8m² được tặng cho trong thời kỳ hôn nhân, tài sản đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông Nguyễn Xuân B và bà Trần Thị Phương Nh được hình thành (tặng cho) trong thời kỳ hôn nhân nên được coi là tài sản chung của vợ chồng.

[4.4]. Xét về nguồn gốc hình thành tài sản thì thấy là đất của ông Nguyễn Xuân B1, là bộ phận của ông Nguyễn Xuân B nên khi xem xét, giải quyết về chế độ tài sản chung thì cần tính cho ông Nguyễn Xuân B có phần giá trị hơn đôi với bà Trần Thị Phương Nh. Tuy nhiên, để đảm bảo về điều kiện tách thửa đối với đất trồng cây lâu năm theo Quyết định số 41/2024/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk thì diện tích tối thiểu sau khi tách thửa đối với các loại đất nông nghiệp khác tại xã là 1.000m².

Để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự, đảm bảo cho việc tách thửa thì chia theo diện tích tối thiểu (không dưới 1.000m²) cho ông Nguyễn Xuân B và bà Trần Thị Phương Nh. Về giá trị tài sản khi được chia thì cần tính cho ông Nguyễn Xuân Bình được hưởng về giá trị nhiều hơn bà Trần Thị Phương Nh và cần giao diện tích đất có căn nhà, giếng nước cho ông Nguyễn Xuân B sử dụng.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Phương Nh về phân chia tài sản chung là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo diện tích 2.170,8m², tại thửa đất số 141, tờ bản đồ số 20, tại thôn G – xã T – huyện K – tỉnh Đắk Lắk là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5]. Về chi phí tố tụng: Bà Trần Thị Phương Nh và ông Nguyễn Xuân B, mỗi người phải chịu số tiền 900.000 đồng chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ. Ghi nhận bà Trần Thị Phương Nh đã nộp tạm ứng số tiền trên và đã thực hiện cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ. Ông Nguyễn Xuân B phải hoàn trả cho bà Trần Thị Phương Nh số tiền 900.000 đồng đã chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ.

[6]. Về án phí: Ông Nguyễn Xuân B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sau khi đã được tính số tiền là 9.637.225 đồng (làm tròn số 9.637.000 đồng). Bà Trần Thị Phương Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sau khi đã được tính số tiền là 4.790.145 đồng (làm tròn số 4.790.000 đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp qua các biên lai đã thu tạm ứng.

[7]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 33, Điều 59, Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 51, Điều 76 Luật công chứng.

Khoản 1 và khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung của bà Trần Thị Phương Nh.

1. Hủy văn bản thỏa thuận tài sản chung của vợ chồng giữa ông Nguyễn Xuân B và bà Trần Thị Phương Nh đối với thửa đất số 141, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.170,8m² tại thôn G – xã T – huyện K – tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI 759130, được Văn phòng công chứng H chứng nhận ngày 28/8/2023, số công chứng 1231, quyền số 08/2023 TP/CC-SCC/HĐGD.

2. Giao cho ông Nguyễn Xuân B được quyền sử dụng diện tích 1.150m² đất trồng cây lâu năm tại thôn G – xã T – huyện K – tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI 759130, thửa đất số 141, tờ bản đồ số 20, có tứ cận: Tây giáp thửa đất ông Nguyễn Xuân Ph, Đông thửa đất của bà Trần Thị Phương Nh đã được chia, Bắc giáp đường bê tông liên thôn, Nam giáp đất của công ty cao su. Tài sản trên đất là 01 căn nhà xây cấp 4 + 01 giếng nước và các tài sản, cây trồng gắn liền với đất được giữ nguyên hiện trạng tương ứng với diện tích đất đã được chia.

3. Giao cho bà Trần Thị Phương Nh được quyền sử dụng diện tích 1.020,8m² đất trồng cây lâu năm tại thôn G – xã T – huyện K – tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI 759130, thửa đất số 141, tờ bản đồ số 20, có tứ cận: Tây giáp thửa đất ông Nguyễn Xuân B đã được chia, Đông giáp đường đất, Bắc giáp đường bê tông liên thôn, Nam giáp đất của công ty cao su. Tài sản, cây trồng gắn liền với đất được giữ nguyên hiện trạng tương ứng với diện tích đất đã được chia.

4. Buộc ông Nguyễn Xuân B có trách nhiệm giao giấy chứng nhận QSD đất thửa đất số 141, tờ bản đồ số 20 tại thôn G – xã T – huyện K – tỉnh Đắk Lắk, giấy chứng nhận QSD đất số DI 759130 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 03/02/2023, mang tên ông Nguyễn Xuân B và bà Trần Thị Phương Nh cho bà Trần Thị Phương Nh để liên hệ các cơ quan làm thủ tục tách thửa, sang tên theo như quyết định của bản án đã được tuyên.

5. Về chi phí tố tụng: Bà Trần Thị Phương Nh và ông Nguyễn Xuân B, mỗi người phải chịu số tiền 900.000 đồng chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ. Ghi nhận bà Trần Thị Phương Nh đã nộp tạm ứng số tiền trên và đã thực hiện cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ. Ông Nguyễn Xuân B phải hoàn trả cho bà Trần Thị Phương Nh số tiền 900.000 đồng đã chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ.

6. Về án phí: Ông Nguyễn Xuân B phải chịu 9.637.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị Phương Nh phải chịu 4.790.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 3.750.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng số 0011830 ngày 11/10/2024 và số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng số 0011912 ngày 11/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng. Bà Trần Thị Phương Nh phải nộp tiếp 740.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những phần liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo về những phần liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS Krông Năng;
- Dương sự;
- Lưu HSVA, VPTA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Cảnh Toàn